

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10/01/2025

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng

Ông Trương Hữu Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 200/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2024 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H trên cơ sở mai mối tiến đến hôn nhân vào năm 1991, có tổ chức hôn lễ theo tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh H thường có hành vi bạo lực, xúc

phạm chi khiến cuộc sống gia đình mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhiều lần nhưng không thành. Nay chị không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1993 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 09/02/2002. Hiện 02 con đã đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị L về quan hệ hôn nhân. Anh và chị L kết hôn vào năm 1991, có tổ chức hôn lễ theo tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2005 - 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do chị L hay sử dụng điện thoại nhắn tin, anh nghi ngờ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khiến cuộc sống gia đình mâu thuẫn trầm trọng. Lúc đầu mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì anh có đánh vợ nhưng khoảng hơn 1 năm nay anh không có đánh vợ, anh chị đã ly thân hơn 10 năm nay. Nay theo yêu cầu của chị L thì anh có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1993 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 09/02/2002. Hiện 02 con đã đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Ngày 30/12/2024 chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị L và anh H vẫn bảo lưu ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh H theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị L và anh H không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình là không có giá trị về mặt pháp lý.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị L: Chị L và Anh H đều thừa nhận quá trình chung sống giữa hai người đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hai người đã không còn chung sống từ đầu năm 2020 đến nay. Quá trình ly thân cả hai cũng không có biện pháp hàn gắn hôn nhân, anh chị cũng xác định cả hai không còn tình cảm với nhau và cũng không muốn tiếp tục mối quan hệ vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H.

[4] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1993 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 09/02/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/4/1993 và Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 09/02/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001753 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị L đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mai Ka